

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/DS-PT

Ngày 24 - 4 - 2019

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Đức Châm.

Các Thẩm phán:

Ông Lộc Sơn Thái;

Bà Nguyễn Thị Minh Thùy.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phượng - Thư ký Tòa án nhân tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 01/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp về thừa kế tài sản, do Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hà Văn H, sinh năm 1947; cư trú tại: Xóm X, xã K, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Hà Văn V (tức Hà Xuân V), sinh năm 1954; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phạm Gia H; cư trú tại: Khu Phiêng Quăn, thị trấn Lộc Bình, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn C - Luật sư, Văn phòng Luật sư C, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Hà Văn H1, sinh năm 1938; cư trú tại: Tổ C, khối D, phường Đ, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

2. Bà Hà Thị V, sinh năm 1958; cư trú tại: Tổ E, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Bà Hà Phương L, sinh năm 1962; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

4. Bà Chu Thị N (L), sinh năm 1958; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Anh Hà Thanh H, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Anh Hà Minh T, sinh năm 1977; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

7. Chị Hà Lệ T, sinh năm 1991; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Bà Hứa Thị L, sinh năm 1952; cư trú tại: Số 6, Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Anh Hà Văn H, sinh năm 1975; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

10. Anh Nguyễn Trung L, sinh năm 1989; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

11. Anh Hà Đức T, sinh năm 2000; cư trú tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Hà Văn V (HHà Xuân V) là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung Bản án dân sự sơ thẩm được tóm tắt như sau:

Ông Hà Văn H có bố đẻ là Hà Liên Th (Hà Đình Th) chết năm 2007, mẹ là Lương Thị M, chết năm 2006. Bố mẹ sinh được 6 người con gồm: Ông Hà Văn H1, ông Hà Văn B (đã hy sinh năm 1968), ông Hà Văn H, ông Hà Văn V (Hà Xuân V), bà Hà Thị V, bà Hà Phương L. Khi bố mẹ chết có để lại tài sản: Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích 501,7m², tại Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn. Nguồn gốc thửa đất do bố mẹ khai phá từ lâu, không có giấy tờ về đất; trên thửa đất hiện có hai ngôi nhà cấp 4 (trong đó ngôi nhà số 36 là nhà của bố mẹ để lại hiện ông Hà Văn V đang cho thuê; 01 nhà hiện anh Hà Minh T đang ở). Tiền xây dựng 02 ngôi nhà, do bố mẹ ông Hà Văn V lúc còn sống, bị Nhà nước thu hồi đất, giải tỏa làm đường cao tốc đi qua được bồi thường nên dùng số tiền đó để xây dựng 02 ngôi nhà. Năm 2000, khi đó bố mẹ còn sống ở ngôi nhà số 36. Khi bố mẹ chết, không để lại di chúc, số di sản này do ông Hà

Văn V quản lý sử dụng, anh em trong gia đình ông Hà Văn H đã tự họp gia đình để giải quyết chia thừa kế nhưng ông Hà Văn V không đồng ý. Nên ông đã làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia đều cho 03 anh em là ông Hà Văn H, Hà Văn H1, Hà Văn V.

Bị đơn ông Hà Văn V trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của bố mẹ ông khai phá để lại, vợ chồng ông và các con sinh sống cùng với tại diện tích đất nói trên cùng ông Th và bà M đến năm 1990 thì chuyển đến sinh sống tại số 38, đường B, phường H, thành phố L. Khi sống cùng bố mẹ, không thấy bố mẹ nói chia thừa kế cho ai. Khi bị ông Hà Văn H khởi kiện chia thừa kế, ông mới tìm thấy tờ giấy viết bằng chữ nôm trong quyển sổ do trước đây bố ông đã đưa cho, ông mang đi dịch, giấy có nội dung: *“Năm 1988, bố Hà Liên Th giao con trai là Hà Văn V có nhà, có đất, có vườn và có quyền sử dụng”*, ông cho rằng đây là bản di chúc bố ông đã viết cho ông. Tài sản trên đất tranh chấp hiện có 02 ngôi nhà cấp 4 xây năm 2000 và các công trình phụ, cây trồng trên đất. Tiền xây 02 ngôi nhà là do Nhà nước đền bù, giải phóng mặt bằng, bố mẹ đưa cho ông để xây nhà; 01 gara sửa chữa ô tô, ông cho anh Nguyễn Trung L thuê đất và tự làm gara để sửa xe ô tô; một số cây trồng trên đất do anh Hà Minh T con trai ông trồng, hiện nay anh Hà Minh T và anh Hà Văn H là con trai ông đang sinh sống trên diện tích đất này; diện tích đất tranh chấp hiện chưa được cấp GCNQSD đất. Nay ông Hà Văn H khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông không đồng ý. Vì đây là tài sản của bố mẹ đã để lại cho ông, tuy hiện nay không trực tiếp sinh sống trên mảnh đất này, nhưng ông vẫn là người quản lý và sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn H1, bà Hà Phương L, bà Hà Thị V đều nhất trí với yêu cầu của ông Hà Văn H là chia đều mảnh đất này cho 03 anh em là ông Hà Văn H; Hà Văn H1; Hà Xuân V. Bà Hà Phương L, bà Hà Thị V đều từ chối hưởng di sản thừa kế và đề nghị chia đều cho 03 người con trai là ông H1, ông H, ông V.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị N, anh Hà Anh T, anh Hà Thanh H, chị Hà Lệ T, bà Hứa Thị L, anh Hà Văn H, anh Hà Đức T, nhất trí với ý kiến của ông Hà Văn V, không đồng ý chia thừa kế.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Trung L trình bày: Hiện tại, anh đang là người thuê đất để làm xưởng kinh doanh sửa chữa ô tô với ông Hà Văn V. Khi thuê đất, anh đã bán máu tôn để phục vụ cho việc kinh doanh. Anh không có ý kiến gì về việc tranh chấp, nếu Tòa án giải quyết cho ai là chủ sử dụng đất, anh sẽ tự di dời tài sản hoặc thỏa thuận hợp đồng lại với chủ đất mới, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà

Văn H, vì không có tài liệu, chứng cứ, chứng minh đó là di sản thừa kế của bố mẹ để lại.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, ngày 10/10/2018 xác định đất tranh chấp có tổng diện tích là 501,7m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 17, tại khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, vị trí đất có các phía tiếp giáp: Phía Đông giáp đường quốc lộ 1A, phía Tây giáp đường bê tông (đường làng cũ), phía Nam giáp đất nhà ông Nguyễn Văn B, phía Bắc giáp nhà bà Hà Thị H, ông Hoàng Quốc C. Đất tranh chấp thuộc vị trí 1 có diện tích 166,5m²; vị trí 2 có diện tích là 335,2m².

Các tài sản và giá trị các tài sản trên diện tích đất tranh chấp gồm có:

1. Nhà xưởng xây năm 2010, diện tích 115m², nền láng vữa xi măng, nhà khung thép bít tôn (do anh Nguyễn Trung L tự làm), có giá là 130.937.601,đ;

2. Nhà cũ xây dựng năm 2000, diện tích 57,7m², nhà cấp 4 loại 3B, nền lát gạch Ceramic 300x300, tường xây gạch bê tông, mái lợp prôximăng, giá là: 48.602.699,đ;

3. Khu nhà bếp cũ, diện tích 24,9m² là nhà tạm, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch bê tông trát hoàn thiện, mái lợp prôximăng, xây năm 2000, giá là 3.569.142,đ;

4. Bán mái trước nhà anh Hà Minh T xây dựng năm 2013, diện tích 25,5m² là nhà xưởng, nền lát gạch Ceramic nhà khung thép bít tôn, cửa đi bằng sắt xếp, có giá là 29.033.990,đ;

5. Nhà ở của anh Hà Minh T, xây năm 2000, diện tích 79,5m², nhà cấp 4 loại 3b, nền lát gạch Ceramic 400x400, tường xây gạch bê tông trát hoàn thiện, mái lợp prôximăng, giá là: 66.965.591,đ;

6. Bán mái sau nhà anh Hà Minh T, xây năm 2000, diện tích 27,0m² là nhà tạm, nền láng vữa xi măng, tường xây gạch bê tông trát hoàn thiện, mái lợp prôximăng, giá là: 3.870.154,đ;

7. Chuồng lợn của anh Hà Minh T, diện tích 8,84m² nền láng vữa xi măng, tường xây gạch bê tông trát hoàn thiện, mái lợp prôximăng, xây năm 2005, giá là 1.267.117,đ;

8. Về cây trồng trên đất: 02 cây bơ, đường kính 8cm, trồng năm 2014; 01 cây mít, đường kính 7cm, trồng năm 2013; 01 cây khế, đường kính 20cm, trồng năm 2002; 02 cây đào, đường kính 7cm, trồng năm 2015; 01 cây mắc mật đường kính 2cm, trồng năm 2016. Tất cả các cây trên đều do anh Hà Minh T trồng, tổng giá trị cây trên đất là 3.367.000,đ.

9. Giá trị đất của thửa đất số 90 theo giá địa phương: 10.034.000.000,đ (mười tỉ không trăm ba mươi tư triệu đồng)

Tổng giá trị đất và các tài sản trên đất là 10.321.613.294đ, (mười tỉ ba trăm hai mươi một triệu sáu trăm mười ba nghìn hai trăm chín mươi tư đồng).

Tại Bản án dân sự số 08/2016/DS-ST, ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H.

1. Ông Hà Văn H được quyền quản lý và sử dụng 159,4m² đất và tài sản trên đất và một phần nhà ở và nhà bếp, thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông tiếp giáp với đất chia cho ông Hà Văn H1 được xác định từ điểm F, G, H.

- Hướng Tây tiếp giáp với đất của ông Hoàng Quốc C và bà Hà Thị H được xác định từ điểm A, B, C, D.

- Hướng Nam tiếp giáp với đường bê tông được xác định từ điểm D, E, F.

- Hướng Đông Bắc tiếp giáp với đường quốc lộ 1A được xác định từ điểm A, H.

2. Ông Hà Văn H1 được quyền quản lý và sử dụng 156,6m² đất và tài sản trên đất là một phần nhà ở và nhà bếp, thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông tiếp giáp với đất giao cho ông Hà Xuân V được xác định từ điểm K, J, I.

- Hướng Tây tiếp giáp với đất giao cho ông Hà Văn H được xác định từ điểm F, G, H.

- Hướng Nam tiếp giáp với đường bê tông được xác định từ điểm F, M, L, K.

- Hướng Đông Bắc tiếp giáp với đường quốc lộ 1A xác định từ điểm H, I.

3. Ông Hà Văn V (Hà Xuân V) được quyền quản lý và sử dụng 185,7m² đất và tài sản trên đất là nhà ở, bán mái, công trình phụ và một số cây trồng trên đất thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông tiếp giáp với đất ông Nguyễn Văn B được xác định từ điểm P, Q.

- Hướng Tây tiếp giáp với đất giao cho ông Hà Văn H1 được xác định từ điểm K, J, I.

- Hướng Nam tiếp giáp đường bê tông được xác định từ điểm K, N, O, P.

- Hướng Đông Bắc tiếp giáp với đường quốc lộ 1A xác định từ điểm I, Q.

(Có sơ đồ mảnh trích đo địa chính chi tiết kèm theo).

4. Anh Nguyễn Trung L tự nguyện di dời bán mái sửa xe ô tô để trả lại diện tích đất cho ông Hà Văn H, Hà Văn H1 khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra Bản án còn quyết định về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng và án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 27/11/2018 bị đơn ông Hà Văn V có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Với lý do ông Hà Văn V cho rằng diện tích 501,7m², thuộc thửa số 90, tờ bản đồ số 17, tại khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn và các tài sản trên đất không phải là di sản do bố mẹ để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hà Văn V, người đại diện theo ủy quyền của ông Hà Văn V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Hà Văn V có cùng quan điểm, thay đổi yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử hủy Bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

- Kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn trong hạn luật định nên hợp lệ.
- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự có mặt tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Quan điểm về việc giải vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa xác định được nguồn gốc thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích 501,7m² tại tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, các đương sự đều thừa nhận là của bố mẹ ông Hà Liên Th và bà Lương Thị M để lại.

Về di chúc do ông Hà Văn V cung cấp có nội dung “*Năm 1988, bố Hà Liên Th giao con trai là Hà Văn V có nhà đất, có vườn và có quyền sử dụng*”. Xét nội dung văn bản không thể hiện ông Hà Văn V được cho diện tích đất cụ thể nào, quyền sử dụng đất là tài sản chung của ông Hà Liên Th, bà Lương Thị M trong thời kỳ hôn nhân, ông Hà Liên Th tự phân chia cho ông Hà Văn V là không phù hợp với quy định tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; về hình thức, văn bản chữ nôm được lập khi nào các thành viên khác trong gia đình gồm bà Lương Thị M và các con không được biết, không có người làm chứng, sau này khi ông Hà Văn H khởi kiện chia thừa kế ông Hà Văn V mới tìm thấy là không đảm bảo cả về nội dung và hình thức theo quy định pháp luật.

Bản án sơ thẩm xác định thửa đất số 90 là di sản thừa kế của bố mẹ để lại và chia thừa kế là có cơ sở. Đồng thời khi chia cũng đã ghi nhận công quản lý,

duy trì di sản và chia cho ông Hà Văn V phần hơn, do đó ông Hà Văn V kháng cáo yêu cầu bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Đề nghị HĐXX áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 308 BLTTDS xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của ông Hà Văn V, được lập trong thời hạn luật định nên là hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Hà Văn V, thấy rằng: Đất tranh chấp được xác định là thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích 501,7m². Tại Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, đều được các đương sự công nhận nguồn gốc đất là của bố, mẹ (ông Hà Liên Th và bà Lương Thị M) đã chết để lại. Trên đất có 02 ngôi nhà cấp 4 do ông Th và bà M lấy tiền đền bù làm đường dự án đường cao tốc để xây dựng, khi ông bà không để lại di chúc. Theo ông Hà Văn V trình bày khi bố mẹ còn sống, không thấy bố mẹ nói chia thừa kế cho ai, khi bố mẹ chết, ông Hà Văn H khởi kiện, ông mới tìm thấy tờ giấy viết bằng chữ “nôm” để trong quyển sổ, trước đây do bố ông đưa cho, ông Hà Văn V mang đi dịch, giấy có nội dung: “*Năm 1988, bố Hà Liên Th giao con trai là Hà Văn V có nhà, có đất, có vườn và có quyền sử dụng*”. Ông Hà Văn V cho rằng, đây là bản di chúc đã được bố viết để lại toàn bộ tài sản cho ông, nên ông không đồng ý chia thừa kế.

[3] Xem xét nội dung di chúc Hội đồng xét xử, xét thấy: Nội dung viết một cách chung chung, không cụ thể, không có người làm chứng, không có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, giấy không đề cập đến tài sản giao cho ông Hà Văn V là nhà và đất, ruộng, vườn cụ thể ở đâu. Tại thời điểm viết giấy năm 1988, mẹ ông là bà Lương Thị M vẫn còn sống, nên xác định tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân, là tài sản chung của vợ chồng nên bố của ông (ông Hà Liên Th) không được toàn quyền định đoạt về tài sản. Do vậy, việc ông Hà Liên Th, tự viết di chúc cho ông là không phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Do đó, nội dung tờ giấy viết tay bằng chữ “nôm”, ông Hà Văn V cung cấp cho Tòa án coi là di chúc, là không có giá trị về mặt pháp lý nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Xác định, thửa đất số 90, tờ bản đồ số 17, diện tích 501,7m², tại tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C và tài sản trên đất là 02 ngôi nhà cấp 4 gắn liền các công trình phụ trên đất, được xác định là di sản thừa kế theo pháp luật. Những người thừa kế theo pháp luật, thuộc diện hàng thừa kế thứ nhất, gồm: Ông Hà Văn H1, Hà Văn H, Hà Văn V, Hà Thị V, Hà Phương L. Bà Hà Thị V và bà Hà Phương L là người trong diện được hưởng thừa kế, nhưng bà Hà Thị V và bà Hà Phương L từ chối nhận di sản, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà Vân, bà Lan

không trái quy định của pháp luật nên Tòa án không xem xét. Những người thừa kế còn lại là ông Hà Văn H1, Hà Văn H, Hà Văn V, được xem xét chia theo quy định của pháp luật về thừa kế. Xét thấy, quá trình giải quyết cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định của pháp luật về thừa kế, xem xét đến công sức trông coi, quản lý di sản, nên quyết chia cho ông Hà Văn V được hưởng phần giá trị tài sản nhiều hơn, cụ thể: Ông Hà Văn V được chia diện tích đất 185,7m² và tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4 và bán mái xây dựng năm 2000. Hiện tại, ông Hà Văn V cho con trai anh Hà Minh T đang ở; ông Hà Văn H được chia 159,4m²; ông Hà Văn H1 được chia 156,6m². Việc cấp sơ thẩm chia như vậy là phù hợp với quy định của pháp luật, nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo.

[5] Đối với các tài sản trên đất: Các tài sản do anh Hà Minh T sửa sang nhà cửa, xây dựng thêm bán mái đằng trước, chuồng lợn và trồng được một số cây đều nằm trên phần diện tích đất của ông Hà Văn V được quản lý, sử dụng. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hà Minh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu này của anh Hà Minh T.

[6] Đối với nhà bán mái sửa xe ô tô: Anh Nguyễn Trung L là người thuê đất với ông Hà Văn V năm 2010. Quá trình giải quyết anh Nguyễn Trung L không yêu cầu Tòa án giải quyết đến quyền lợi của anh và xin vắng mặt tại phiên tòa và đề nghị nếu Tòa án giải quyết cho ai được quyền quản lý, sử dụng đất, anh Nguyễn Trung L sẽ tự thỏa thuận thuê lại hoặc sẽ tự tháo dỡ. Xét thấy, yêu cầu của anh Nguyễn Trung L là sự tự nguyện. Tuy nhiên cấp sơ thẩm tuyên, anh Nguyễn Trung L tự nguyện di dời bán mái sửa xe ô tô để trả lại diện tích đất cho ông Hà Văn H, Hà Văn H1 khi bản án có hiệu lực pháp luật là chung chung, không cụ thể, dẫn đến khó khăn cho công tác thi hành án, tại phiên tòa phúc thẩm anh Nguyễn Trung L vắng mặt nên cần sửa lại lời tuyên cho phù hợp là buộc anh Nguyễn Trung L phải tháo dỡ, di dời bán mái sửa xe ô tô để trả lại diện tích đất cho ông Hà Văn H, Hà Văn H1 quản lý, sử dụng.

[7] Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Hà Văn H đã tạm ứng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền là 3.600.000đ, thuê trích đo địa chính thửa đất là 5.200.000đ. tổng cộng là 8.800.000đ. Tại phiên tòa, ông Hà Văn H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí trên, cấp sơ thẩm ghi nhận sự tự nguyện của ông Hà Văn H là đúng.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí: Căn cứ điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng. Tuy nhiên, do ông Hà Văn H, Hà Văn V, Hà Văn H1 đều trên 60 tuổi, là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí vụ án. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội, ông Hà Văn H, Hà Văn V, Hà Văn H1 được miễn toàn bộ án phí. Cấp sơ thẩm, miễn toàn bộ án phí cho ông Hà Văn H, Hà Văn V, Hà Văn H1 là đúng.

[9] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Hà Văn V không được chấp nhận nên ông Hà Văn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận ông Hà Văn V đã nộp đủ số tiền, theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05205 ngày 13/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Hà Văn V (Hà Xuân V), giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 08/2018/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 623, 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hà Văn H.

1. Ông Hà Văn H được quyền quản lý và sử dụng 159,4m² đất và tài sản trên đất và một phần nhà ở và nhà bếp, thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông tiếp giáp với đất chia cho ông Hà Văn H1 được xác định từ điểm F, G, H.

- Hướng Tây giáp với đất của ông Hoàng Quốc C và bà H được xác định từ điểm A, B, C, D.

- Hướng Nam giáp với đường bê tông được xác định từ điểm D, E, F.

- Hướng Đông Bắc giáp đường quốc lộ 1A được xác định từ điểm A, H.

2. Ông Hà Văn H1 được quyền quản lý và sử dụng 156,6m² đất và tài sản trên đất là một phần nhà ở và nhà bếp, thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông giáp với đất giao cho ông Hà Xuân V được xác định từ điểm K, J, I.

- Hướng Tây giáp với đất giao cho ông Hà Văn H được xác định từ điểm F, G, H.

- Hướng Nam giáp với đường bê tông được xác định từ điểm F, M, L, K.

- Hướng Đông Bắc giáp với đường quốc lộ 1A xác định từ điểm H, I.

3. Ông Hà Văn V (Hà Xuân V) được quyền quản lý và sử dụng 185,7m² đất và tài sản trên đất là nhà ở, bán mái, công trình phụ và một số cây trồng trên đất thuộc một phần diện tích đất thửa số 90 tờ bản đồ địa chính số 17; tọa tại: Tổ A, khối B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, có các hướng tiếp giáp cụ thể:

- Hướng Đông giáp với đất ông Nguyễn Văn B được xác định từ điểm P, Q.

- Hướng Tây giáp với đất giao cho ông Hà Văn H1 được xác định từ điểm K, J, I.

- Hướng Nam giáp đường bê tông được xác định từ điểm K, N, O, P.

- Hướng Đông Bắc giáp với đường quốc lộ 1A xác định từ điểm I, Q.

(Có sơ đồ mảnh trích đo địa chính chi tiết kèm theo).

4. Buộc anh Nguyễn Trung L phải tháo dỡ, di dời nhà bán mái sửa xe ô tô để trả lại diện tích đất cho ông Hà Văn H và ông Hà Văn H1 là chủ quản lý, sử dụng đất.

5. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Hà Văn H về việc chịu số tiền 8.800.000 đồng. Xác nhận ông Hà Văn H đã nộp đủ số tiền trên.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Hà Văn H, Hà Văn V, Hà Văn H1 được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại ông Hà Văn H, số tiền 13.932.000 đồng (mười ba triệu chín trăm ba mươi hai nghìn đồng), theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05133 ngày 15/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hà Văn V phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm để sung công quỹ Nhà nước. Xác nhận ông Hà Văn V đã nộp đủ số tiền, theo Biên lai thu tiền số AA/2012/05205 ngày 13/12/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn;
- CTHADS huyện C, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- VP; KTNV-THA
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hồ Đức Châm